

Số: 12 /2021/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực,
hỗ trợ đào tạo sau đại học, nâng cao trình độ ngoại ngữ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về chính sách thu hút tạo nguồn cán bộ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực; hỗ trợ đào tạo sau đại học, nâng cao trình độ ngoại ngữ; Báo cáo thẩm tra số 158/BC-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định về chính sách thu hút nguồn nhân lực; hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đào tạo sau đại học, nâng cao trình độ ngoại ngữ trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

b) Không áp dụng chính sách này đối với các đơn vị lực lượng vũ trang, các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại các địa phương, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

c) Khuyến khích các cơ quan, đơn vị tại điểm b khoản 1 Điều này áp dụng các quy định của chính sách tại cơ quan, đơn vị. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên ngoài mức hỗ trợ của tỉnh theo quy định tại Nghị quyết này, căn cứ vào nguồn tài chính các đơn vị được chi hỗ trợ thêm đối với viên chức thuộc đối tượng thu hút nguồn nhân lực và hỗ trợ đào tạo sau đại học, nâng cao trình độ ngoại ngữ.

2. Đối tượng áp dụng chung

a) Thu hút nguồn nhân lực: Những người có trình độ từ đại học trở lên, các nhà khoa học trẻ, chuyên gia có nhu cầu về công tác tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Không áp dụng đối với các trường hợp: Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện luân chuyển; sinh viên tốt nghiệp đại học theo hình thức giáo dục thường xuyên, đào tạo theo địa chỉ sử dụng, đào tạo liên thông từ trung cấp hoặc cao đẳng lên đại học, đào tạo tại các trường đại học tự thực, đào tạo theo chế độ cử tuyển;

b) Hỗ trợ đào tạo sau đại học: Cán bộ, công chức công tác tại các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và viên chức ngành y tế, viên chức thuộc các đơn vị: Trường Đại học Tân Trào, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ, Trường Chính trị. Không áp dụng đối với các đối tượng được cử đào tạo theo các đề án, chương trình

đào tạo, bồi dưỡng đã được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước hoặc của tổ chức trong và ngoài nước có hợp tác với cơ quan, tổ chức của Nhà nước.

c) Hỗ trợ nâng cao trình độ ngoại ngữ: Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực; chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đào tạo sau đại học phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc và nhu cầu thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Trường hợp người được thu hút có nhiều bằng cấp chuyên môn thì chỉ được hưởng chính sách thu hút đối với một bằng cấp ở trình độ cao nhất.

3. Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu thực hiện trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 3. Hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực

1. Đối tượng áp dụng

a) Những người có chuyên ngành đào tạo thuộc Danh mục cần thu hút của tỉnh (*theo biểu số 01 kèm theo Nghị quyết này*), có trình độ: Tiến sĩ, thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I, Bác sĩ chuyên khoa II, Đại học (loại giỏi, loại xuất sắc);

b) Bác sĩ nội trú; Bác sĩ đa khoa;

c) Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ;

d) Chuyên gia.

2. Điều kiện áp dụng

a) Là công dân Việt Nam, có đủ sức khoẻ và đảm bảo năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

b) Được cơ quan, đơn vị, tổ chức có thẩm quyền quyết định tiếp nhận, tuyển dụng theo quy định của pháp luật;

c) Còn trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật, nhưng tối thiểu phải còn từ đủ 10 năm công tác trở lên;

d) Không trong thời gian bị xem xét kỷ luật, không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Không áp dụng các quy định tại điểm b, điểm c, khoản 2 Điều này đối với trường hợp là chuyên gia.

3. Điều kiện cụ thể đối với một số trường hợp

a) Tiến sĩ, thạc sĩ được thu hút về tỉnh công tác với điều kiện phải tốt nghiệp đại học hệ chính quy (*là thạc sĩ thì phải có kết quả tốt nghiệp đại học từ loại khá trở lên*) tại các cơ sở giáo dục công lập trong nước, các cơ sở đào tạo nước ngoài

hoặc đào tạo đại học theo hình thức liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học công lập trong nước với các cơ sở đào tạo nước ngoài;

b) Bác sĩ chuyên khoa I, bác sĩ chuyên khoa II, bác sĩ đa khoa (*tốt nghiệp loại khá trở lên*) được thu hút về tỉnh công tác với điều kiện tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học công lập về y, y - dược hệ chính quy tập trung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế về Chương trình khung đào tạo đại học đối với nhân lực ngành y tế;

c) Người có trình độ đại học (*hệ chính quy*) được thu hút về tỉnh công tác với điều kiện tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc tại các cơ sở giáo dục đại học công lập trong nước, đào tạo theo hình thức liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học công lập trong nước với các cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc đào tạo tại nước ngoài (*đào tạo theo hình thức liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học công lập trong nước với các cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc đào tạo tại nước ngoài phải được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng tốt nghiệp*).

d) Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác ở ngoài tỉnh hoặc cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh được thu hút về tỉnh có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong quá trình công tác.

4. Mức hỗ trợ thu hút

a) Các trường hợp được thu hút về tỉnh công tác được hỗ trợ một lần bằng tiền sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định tuyển dụng, tiếp nhận. Mức hỗ trợ cụ thể được thực hiện theo Biểu số 02 kèm theo Nghị quyết này. Đối với người được thu hút về công tác ở cấp xã được hưởng hệ số 1,2 theo từng mức hỗ trợ.

b) Chuyên gia thu hút về tỉnh tham gia các công trình, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học, giải pháp sáng kiến đổi mới kỹ thuật công nghệ hoặc xây dựng, phát triển các sản phẩm, tác phẩm từ cấp tỉnh trở lên được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt công nhận bằng văn bản thì cơ quan, đơn vị sử dụng chuyên gia báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép hợp đồng trả thù lao theo thỏa thuận.

5. Chính sách khác

a) Được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định tiếp nhận trực tiếp đối với cán bộ, công chức, viên chức ở ngoài tỉnh, các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh;

b) Được tuyển dụng vào làm viên chức theo quy định của pháp luật bằng hình thức xét tuyển đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Không áp dụng các quy định tại điểm a, điểm b Khoản này đối với chuyên gia.

6. Trách nhiệm người được thu hút

a) Chấp hành sự phân công công tác của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền hoặc hợp đồng đã thỏa thuận;

b) Thời gian cam kết công tác tại tỉnh Tuyên Quang từ đủ 10 năm (*không áp dụng đối với chuyên gia*);

c) Trong thời gian cam kết làm việc tại tỉnh Tuyên Quang hoặc trong thời gian hợp đồng làm việc tại tỉnh Tuyên Quang (*đối với chuyên gia*) nếu người được thu hút vi phạm cam kết, hợp đồng làm việc, tự ý bỏ việc, thôi việc, xin chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, không chấp hành sự phân công công tác của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền, được đánh giá, xếp loại là không hoàn thành nhiệm vụ trong năm công tác, thời gian hợp đồng làm việc (*trừ các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật*) thì phải bồi hoàn 100% kinh phí đã được hỗ trợ thu hút.

Điều 4. Hỗ trợ đào tạo sau đại học

1. Đối tượng áp dụng

- a) Cán bộ, công chức (*bao gồm cả cán bộ, công chức cấp xã*);
- b) Viên chức ngành y tế và viên chức thuộc các đơn vị: Trường Đại học Tân Trào, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang, Trường Chính trị tỉnh.

2. Điều kiện áp dụng

a) Cán bộ, công chức có khả năng, triển vọng phát triển, có sáng kiến, thành tích nổi trội được cơ quan có thẩm quyền công nhận, đang là lãnh đạo quản lý hoặc thuộc diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý; viên chức ngành y tế và viên chức thuộc các đơn vị: Trường Đại học Tân Trào, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang, Trường Chính trị tỉnh;

b) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học, hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

c) Được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo sau đại học (*theo kế hoạch đào tạo của tỉnh*);

d) Chuyên ngành đào tạo phải đúng với ngành đã đào tạo ở trình độ đại học (*trường hợp ngành đào tạo đã học ở đại học không đào tạo sau đại học thì được đào tạo sau đại học ở ngành khác trong cùng một nhóm ngành theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo*), hoặc phải phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhiệm (*đối với viên chức phải phù hợp với yêu cầu chức danh nghề nghiệp*).

3. Mức, hình thức hỗ trợ

a) Mức hỗ trợ đi đào tạo sau đại học ở trong nước và nước ngoài: Theo Biểu số 03 kèm theo Nghị quyết này. Đối với cán bộ, công chức, viên chức là nữ, người dân tộc thiểu số được hưởng hệ số 1,2 theo từng định mức hỗ trợ.

b) Hình thức hỗ trợ đào tạo sau đại học ở trong nước và nước ngoài: Sau khi có quyết định cử đi học, được hỗ trợ 50% tổng mức kinh phí hỗ trợ, sau khi tốt nghiệp được hỗ trợ 50% tổng mức kinh phí còn lại.

c) Cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian đào tạo được hưởng nguyên lương và các khoản phụ cấp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người được hỗ trợ đi đào tạo sau đại học

a) Kết thúc khóa học, thực hiện đầy đủ trách nhiệm đã cam kết, chấp hành sự phân công, bố trí công tác của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

b) Các trường hợp sau phải đền bù kinh phí đã được hỗ trợ đi đào tạo sau đại học (*trừ các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật*): Tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trong thời gian đào tạo; không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp; đã hoàn thành và được cấp văn bằng tốt nghiệp khóa học nhưng bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết. Cách tính đền bù kinh phí hỗ trợ đi đào tạo sau đại học và điều kiện được giảm trừ kinh phí hỗ trợ đi đào tạo sau đại học thực hiện theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 5. Hỗ trợ nâng cao trình độ ngoại ngữ

1. Đối tượng áp dụng:

Cán bộ, công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương trở lên hoặc viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở lên trong các cơ quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

2. Điều kiện áp dụng:

Cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành chương trình bồi dưỡng và được cơ sở bồi dưỡng có thẩm quyền cấp một trong các chứng chỉ sau: IELTS, Cambridge Exam, Toefl, Toeic.

3. Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ nâng cao trình độ ngoại ngữ thực hiện chi tiết theo Biểu số 04 đính kèm.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực; hỗ trợ đào tạo sau đại học; nâng cao trình độ ngoại ngữ do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn được hưởng chính sách thu hút theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao; chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ sau đại học, giai đoạn 2017-2021 và Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao; chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ sau đại học, giai đoạn 2017-2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh nhưng chưa được hưởng hỗ trợ hoặc chưa được hỗ trợ 100% kinh phí thì tiếp tục được thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao, chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ sau đại học theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 và Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối với cán bộ, công chức đã có quyết định cử đào tạo sau đại học theo kế hoạch đào tạo của Ủy ban nhân dân tỉnh có chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm tại thời điểm cử đi học; viên chức Chuyên khoa cấp II ngành Y tế được cấp có thẩm quyền cử đi học chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm và đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện khác tại thời điểm được cử đi học được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ sau đại học theo định mức hỗ trợ tại thời điểm cử đi học.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin Điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Minh Xuân



**DANH MỤC NGÀNH, NGÀNH ĐÀO TẠO CÓ NHU CẦU THU HÚT NGUỒN
NHÂN LỰC CỦA TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 12/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Biểu số 01

TT	Tên ngành, chuyên ngành thu hút	Mã số ngành nghề quy định tại Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học	Mã số ngành nghề quy định tại Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ
1	Nông nghiệp	76201	86201; 96201
2	Lâm nghiệp	76202	86202; 96202
3	Thủy sản	76203	86203; 96203
4	Quản lý tài nguyên và môi trường	78501	88501; 98501
5	Du lịch	78101	88101; 98101
6	Kiến trúc và quy hoạch	75801	85801; 95801
7	Xây dựng	75802	85802; 95802
8	Quản lý xây dựng	75803	85803; 95803
9	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	75201	85201; 95201
10	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	75202	85202; 95202
11	Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường	75203	85203; 95203
12	Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa	75205	85205; 95205
13	Máy tính	74801	84801; 94801
14	Công nghệ thông tin	74802	84802; 94802
15	Khoa học giáo dục và Đào tạo giáo viên các ngành: Giáo dục Mầm non; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Thể chất; Huấn luyện thể thao; Sư phạm Toán học; Sư phạm Tin học; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa học; Sư phạm Sinh học; Sư phạm Ngữ văn; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Địa lý; Sư phạm Tiếng Anh.	7140201; 7140202; 7140206; 7140207; 7140209; 7140210; 7140211; 7140212; 7140213; 7140217; 7140218; 7140219; 7140231	Các mã số ngành đào tạo chuyên sâu trình độ thạc sĩ, tiến sĩ phù hợp, tương đồng với ngành đào tạo giáo viên bậc đại học thuộc các trường đại học có ngành đào tạo sư phạm
16	Ngành ngôn ngữ Anh	7220201	8220201; 9220201

TT	Tên ngành, chuyên ngành thu hút	Mã số ngành nghề quy định tại Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học	Mã số ngành nghề quy định tại Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ
17	Ngành Y khoa; ngành Y học dự phòng	7720101; 7720110	87201; 97201
18	Răng - Hàm - Mặt (Nha khoa)	77205	87205; 97205
19	Kỹ thuật Y học	77206	87206; 97206
20	Kinh tế học	73101	83101; 93101
21	Luật kinh tế	7380107	8380107; 9380107
22	Ngành Tài chính - Ngân hàng	7340201	8340201; 9340201
23	Ngành sáng tác âm nhạc; ngành Thanh nhạc	7210203; 7210205	8210201; 8210202; 9210201
24	Ngành Quản lý thể dục thể thao	7810301	8810301
25	Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí; ngành Công nghệ chế tạo máy; ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510201; 7510202; 7510203; 7510205	8520101; 8520103; 8520114; 8520130; 9520101; 9520103; 9520130



MỨC THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC

Kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Biểu số 02

STT	Đối tượng	Mức thu hút (1000 đồng)	
1	Tiến sĩ	Ngành Y	290.000
		Ngành khác	270.000
2	Thạc sĩ	Ngành Y	180.000
		Ngành khác	125.000
3	Bác sĩ chuyên khoa	Cấp II	245.000
		Cấp I	160.000
4	Bác sĩ nội trú	Loại Xuất sắc	290.000
		Loại Giỏi	270.000
		Loại Khá	250.000
		Loại Trung bình và Trung bình khá	230.000
5	Bác sĩ đa khoa chính quy học tại các Trường Đại học Y, Đại học Y - Dược công lập	Loại Xuất sắc	120.000
		Loại Giỏi	110.000
		Loại Khá	100.000
6	Sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy ngành Công nghệ thông tin	Loại Xuất sắc	110.000
		Loại Giỏi	100.000
7	Sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy các ngành khác	Loại Xuất sắc	100.000
		Loại Giỏi	90.000



MỨC HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC

(Kể từ ngày 01/01/2021) theo quyết định số 12/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Biểu số 03

TT	Đối tượng		Mức hỗ trợ (1000 đồng)
I	Đào tạo ở trong nước		
1	Tiến sĩ	Ngành Y	200.000
		Ngành khác	140.000
2	Bác sĩ chuyên khoa	Cấp II	180.000
		Cấp I	110.000
3	Thạc sĩ	Ngành Y	110.000
		Ngành khác	80.000
II	Đào tạo ở nước ngoài		
	Cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ ở nước ngoài được thanh toán chi phí đào tạo theo quy định hiện hành, ngoài ra được tính hỗ trợ như sau:		
1	Tiến sĩ	Ngành Y	400.000
		Ngành khác	360.000
2	Thạc sĩ	Ngành Y	240.000
		Ngành khác	220.000



MỨC HỖ TRỢ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ

(Kế hoạch nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Biểu số 04

TT	Đối tượng	Số điểm đạt được	Mức hỗ trợ (1000 đồng)
1	Cán bộ, công chức, viên chức có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (đối với cán bộ, công chức đang giữ ngạch chuyên viên và tương đương trở lên hoặc viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở lên)	Đạt 5.0 điểm IELTS hoặc chứng chỉ B2 (IELTS 5.0) theo tiêu chuẩn CEFR hoặc đạt điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (TOEIC, TOEFL, Cambridge Exam)	8.000
2		Đạt 5.5 điểm IELTS hoặc chứng chỉ B2 theo tiêu chuẩn CEFR hoặc đạt điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (TOEIC, TOEFL, Cambridge Exam)	10.000
3		Đạt 6.0 điểm IELTS hoặc chứng chỉ B2 theo tiêu chuẩn CEFR hoặc đạt điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (TOEIC, TOEFL, Cambridge Exam)	15.000
4		Đạt 6.5 điểm IELTS hoặc chứng chỉ C1 theo tiêu chuẩn CEFR hoặc đạt điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (TOEIC, TOEFL, Cambridge Exam)	20.000
5		Đạt 7.0 điểm IELTS hoặc chứng chỉ C1 theo tiêu chuẩn CEFR hoặc đạt điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (TOEIC, TOEFL, Cambridge Exam)	25.000
6		Đạt 7.5 điểm IELTS hoặc chứng chỉ C2 theo tiêu chuẩn CEFR hoặc đạt điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (TOEIC, TOEFL, Cambridge Exam)	30.000
7		Đạt 8.0-9.0 điểm IELTS hoặc chứng chỉ C2 theo tiêu chuẩn CEFR hoặc đạt điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (TOEIC, TOEFL, Cambridge Exam)	40.000